

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 9 – 2024
V/v : “Yêu cầu không công nhận vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Lệ Chi và ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên
tòa:** Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H Thuel N (tên gọi khác: H Thoel N1), sinh năm 1979

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1), sinh năm 1974

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, phiên hoà giải tại Tòa án, nguyên đơn là bà H Thuel N trình bày:

Bà và ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau, ông bà ở tại buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính nhau về tính cách và lối sống. Đến 2018 ông bà

sống ly thân cho đến nay. Từ năm 2021, ông bà đã bỏ nhau theo phong tục của người Ê Đê. Nay bà yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Y W (Vét) Byă.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là cháu H Li La N2, sinh ngày 15/9/1997 và Y Đa Lin N3, sinh ngày 18/05/2001. Con ông bà đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai, phiên hoà giải tại Toà án, bị đơn là ông Y W (Vét) Byă trình bày:

Ông hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của bà H Thuel N (tên gọi khác: H Thoel N1) về quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn, về con chung cũng như về mẫu thuẫn vợ chồng. Nay bà H Thuel N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H T và ông thì ông đồng ý vì ông bà đã không còn chung sống, không quan tâm đến nhau.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông hoàn toàn nhất trí với lời trình bày cũng như yêu cầu của bà H Thuel N và không có yêu cầu gì khác.

Tại Công văn số 132/CV-UBND ngày 31/7/2024, UBND xã C cung cấp thông tin: Bà H L và ông Y Wet B (Y Vét B1) vẫn đang làm ăn, sinh sống tại buôn B, xã C, huyện K nhưng không còn chung sống với nhau nữa.

Bà H L và ông Y Wet B (Y Vét B1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 là đúng, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại xã từ trước đến nay, không có thông tin của bà H L và ông Y Wet B (Y Vét B1) trong sổ.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung, con đã trên 18 tuổi và có đăng ký khai sinh tại UBND xã C.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H Thuel N (tên gọi khác:H Thoel N1) và ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1) đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về thu phí, lệ phí, án phí. Đề nghị:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H Thuel N (tên gọi khác: H Thoel N1) và ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1).

Về con chung: đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí cho bà H Thuel N (H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: bà H Thuel N (tên gọi khác: H Thoel N1) và ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1) có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà H T (T) Niê khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Y W (Vét) Byă, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy ông Y Wet B và bà H Thuel N chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Nay bà H Thuel N yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Y Wet B là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy ông bà có 02 người con chung là cháu H Li La N2, sinh ngày 15/9/1997 và Y Đa Lin N3, sinh ngày 18/05/2001. Con ông bà đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, ông bà không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thoả thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H Thuel N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà H Thuel N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và bà đã có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà H Thuel N.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H T (T) Niê. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H Thuel N (tên gọi khác: H Thoel N1) và ông Y Wet B (tên gọi khác: Y Vét B1).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà H T (T) Niê.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Các DS;
- THADS huyện Krông Bông;
- UBND xã Cư Pui;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm

